TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/4/2024
V/v. Tranh chấp về
Hôn nhân và Gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN – TỈNH HÒA BÌNH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lò Văn Dần
- Hội Thẩm Nhân Dân: Ông Bùi Văn Ơn
  Ông Bùi Văn Quyết
- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Đức Phương- Thư ký Toà án huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Phúc- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- Tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST, ngày 13/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn Bùi Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn Bùi Văn Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN.

Theo nội dung ghi trong đơn xin ly hôn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như phần trình bày tại phiên tòa nguyên đơn Bùi Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 16/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh Đ tại xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hòa thuận, vui vẻ, hạnh phúc và có sinh được hai con tên Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Bùi Anh T, sinh ngày 10/02/2014; nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2020 vợ chồng tôi phải gửi con nhỏ cho ông bà nội ở nhà trông nom nuôi dưỡng để hai vợ chồng đi làm công nhân kiếm tiền trang trải cuộc sống và cũng từ đó vợ

chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thiếu niềm tin vào sự chung thủy của nhau; anh Đ ham vui bạn bè, không có trách nhiệm với vợ con hơn thế nữa còn phát hiện anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị T cũng nhiều lần can ngăn, khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị T đã sống ly thân với anh Đ từ năm 2020 cho đến nay; chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Đ để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Chị T anh Đ có sinh được hai con chung cháu tên là Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Bùi Anh T, sinh ngày 10/02/2014 hiện nay cả 02 cháu đang chung sống cùng với anh Đ và gia đình ông bà nội tại xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Cả hai con đều đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với bố Bùi Văn Đ và ông bà nội nên chị tôn trọng ý kiến của các con, nhất trí để 02 con tiếp tục chung sống cùng với bố Bùi Văn Đ và gia đình ông bà nội cháu. Bản thân chị T làm lao động tự do hiện đang làm tại tỉnh Bắc Ninh công việc và thu nhập hàng tháng không ổn định.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1000.000đ (Một triệu đồng) cho cả hai con kể từ khi ly hôn cho đến khi cả hai con đến tuổi khôn lớn, trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có.

Về án phí: Chị T đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định Pháp luật.

Bị đơn Bùi Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh Đ đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của Pháp luật, trong bản tự khai anh Đ trình bày thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường sảy ra xung đột, bất hòa và hai vợ chồng đã ly thân nhau tuy nhiên anh không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung anh Đ trình bày: Vợ chồng anh và chị T có sinh được hai con chung, cháu lớn tên Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Bùi Anh T, sinh ngày 10/02/2014 hiện tại cả hai con đều đang sống cùng với anh và gia đình ông bà nội nếu phải ly hôn thì anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con đến khi các con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho cả hai con kể từ khi ly hôn cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung anh Đ trình bày: không có.

Về công nợ chung: không có;

Tại biên bản hòa giải ngày 09/01/2024 anh Đ không nhất trí ly hôn với chị T mặc dù mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không Đ được nhưng anh Đ không đồng ý ly hôn chị T.

Kết quả xác minh trực tiếp tại gia đình ông Bùi Văn Hơn và bà Bùi Thị Ngọ là bố mẹ đẻ anh Bùi Văn Đ đươc biết anh Đ kết hôn với chị T là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 16/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng các con T và Đ sinh sống ổn định cùng gia đình ông bà tại xóm Khụ, xã Văn Sơn và có sinh được 02 con, cháu lớn tên Bùi Thị Ngọc D và cháu thứ hai tên Bùi Anh T; do điều kiện kinh tế khó khăn và công ăn việc làm ở địa phương không có nên đến năm 2020 vợ chồng T và Đ đi làm thuê xa nhà để kiếm tiền nuôi con ăn học, từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và dẫn đến ly thân nhau bản thân ông bà cũng nhiều lần động viên các con đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con cái nhưng không được. Nay được biết chị T xin ly hôn anh Đ gia đình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Về bản thân anh Bùi Văn Đ hiện làm nghề lao động tự do (Lái xe tải chở hàng thuê) thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng (Mười triệu đồng trên một tháng) đủ điều kiện để nuôi hai con ăn học.

Kết quả xác minh tại UBND xã Văn Sơn: Anh Đ kết hôn với chị T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Pháp luật; Sau thời gian chung sống vợ chồng anh Đ chị T có sinh được hai con chung, cháu lớn tên Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Bùi Anh T, sinh ngày 10/02/2014 hiện đang học tại trường Tiểu học và trung học cơ sở xã Văn Sơn; Qua công tác quản lý ở cơ sở có nắm bắt được thông tin gần đây vợ chồng anh Đ chị T đang có mâu thuẫn gia đình và đã ly thân nhau mấy năm nay; Hiện anh Đ sinh sống ở địa phương và hàng ngày đi lái xe tải chở hàng thuê, công việc và thu nhập cũng tương đối ổn định đủ điều kiện để nuôi các an ăn học; chị T thì đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ để sinh sống tại xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn nên công việc và thu nhập của chị T thì địa phương không thể nắm bắt được; Về mức thu nhập bình quân của người dân sống tại địa bàn xã Văn Sơn thì ước tính khoảng 36.000.000đ/người/năm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu bài kết luận kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Qua kiểm tra giám sát hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nhận thấy Thẩm phán giải quyết vụ án đã thụ lý vụ án, tiền hành báo gọi đương sự, đi xác minh thu thập chứng cứ, thiết lập hồ sơ vụ án đúng quy định pháp luật về dân sự quy định tại các Điều 28; 29; 35;48; 51; 95; 97; 98;198;204; 220; 227 và Điều 228 của BLTTDS.

Thư ký chấp hành tốt nhiệm vụ theo quy định tại Điều 51 của BLTTDS.

Nguyên đơn thực hiện tốt theo quy định tại các Điều 70, 71 của BLTTDS.

Nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm định tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Đ đã trầm trọng, sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không Đ được nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh Đ.

Về con chung: Đề nghị HĐXX xem xét giao anh Bùi Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc D và cháu Bùi Anh T vì cả 02 cháu đều có nguyện vọng được sống cùng bố và gia đình ông bà nội.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho Bùi Thị Ngọc D và Bùi Anh T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) trên một tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cả hai con đến tuổi khôn lớn, trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Tại phiên tòa chị T đồng ý tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung hàng tháng như yêu cầu của anh Đ nhận thấy ý kiến của chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của Pháp luật vì thế đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị Thượng.

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có

Án phí vụ án: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Pháp luật.

Đối với bị đơn Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 28/3/2024 mà không có lý do chính đáng mặc dù đã được tống Đ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định Pháp luật Tòa án huyện nhân dân huyện Lạc Sơn đã hoãn phiên tòa một lần theo quy định của Pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn Bùi Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa HĐXX nhận định:

Về tố tụng: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Đ là hợp pháp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị T anh Đ đều đang cư trú, sinh sống ổn định và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau nay chị T làm đơn xin ly hôn anh Đ. Tòa án huyện Lạc Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Bùi Văn Đ đã được tống Đ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất ngày 28/3/2024 bị đơn Bùi Văn Đ vắng mặt không có lý do chính đáng nên HĐXX đã hoãn phiên tòa theo quy định; tại phiên tòa xét xử ngày hôm nay bị đơn Bùi Văn Đ lại tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được tống Đ hợp lệ quyết định Hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên tham gia tố tụng HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vắng vụ án dù vắng mặt bị đơn Bùi Văn Đ theo quy định của Pháp luật.

Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thể hiện trong bản tự khai cũng như khi tham gia hòa giải và kết quả xác minh HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp, kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật ngày 16/12/2010 tại UBND xã Văn Sơn, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiện, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu niềm tin vào sự chung thủy của nhau, anh Đ có biểu hiện không trung thủy trong quan hệ vợ chồng; chị T nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không thay đổi; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa, việc ai đấy làm đường ai nấy đi. Điều này thể hiện mâu thuẫn gia đình vợ chồng chị T và anh Đ đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Đ có hai con chung là cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Bùi Anh T, sinh ngày 10/02/2014. Hiện tại hai cháu đều đang sống với bố là Bùi Văn Đ và gia đình ông bà nội tại xóm K, xã V, huyện L, tỉnh Hòa Bình; anh Đ chăm lo cho các cháu ăn học đầy đủ và cuộc sống các cháu cũng ổn định; bản thân cả hai cháu D và T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với bố Bùi Văn Đ và gia đình ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn nhau.

Anh Đ cũng trình bày nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con chung nếu phải ly hôn.

Chị T nhất trí để anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con chung khi ly hôn.

Để bảo đảm quyền và lợi ích mọi mặt cho trẻ chưa thành niên HĐXX nhận thấy, cần giao cho anh Bùi Văn Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Bùi Thị Ngọc D và cháu Bùi Anh T là hợp tình, hợp lý và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả hai con là Bùi Thị Ngọc D và Bùi Anh T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho hai con kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu D và cháu T đến tuổi khôn lớn, trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử nhận thấy, ý kiến của chị T về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của Pháp luật nên chấp nhận để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn chưa yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Về công nợ chung: Không có nên HĐXX không đề cập giải quyết

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53;56;57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Bùi Thị Ngọc D, sinh ngày 15/9/2011 và cháu Bùi Anh T, sinh ngày 10/02/2014 kể từ ngày 09/4/2024 cho đến khi cháu Diệp và cháu Thiển đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Chị Bùi Thị T được đi lại thăm nom con chung theo quy định Pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho hai con Bùi Thị Ngọc D và Bùi Anh T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Kể từ ngày 09/4/2024 cho đến khi cả hai con Bùi Thị Ngọc D và Bùi Anh T đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án thể hiện tại biên lai thu tiền số 00002147 ngày 01/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay đối trừ chị T còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo quy định của Pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống Đ, niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND h.Lạc Sơn, t. Hòa Bình;
-CCTHA h. Lạc sơn, t. Hòa Bình;.
-UBND xã Văn Sơn, h. Lạc Sơn, t. HB;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dần